TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH X**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2023/DSST
Ngày: 30-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N-TỈNH X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đoàn Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khon Sốc

Bà Chế Thị Hồng Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*:* Bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 306/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/QĐST-DS ngày 13 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Di Kim Ph, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 7, ấp An Thạnh, xã Lê Trì, huyện N, tỉnh X, (có mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị Tuyết H, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Tổ 3, khóm An Hòa B, thị trấn Ba Chúc, huyện N, tỉnh X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Di Kim Ph trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 11 năm 2020 Bà Ph có cho vợ chồng Bà H, Ông Th vay tiền 05 lần, với tổng số tiền 230.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 06/11/2019 vay 20.000.000 đồng; lần thứ hai ngày 08/11/2019 vay 30.000.000 đồng; lần thứ ba ngày 14/11/2019 vay 20.000.000 đồng; lần thứ tư tháng 10/2020 vay 20.000.000 đồng; lần thứ năm ngày 11/10/2020 vay 140.000.000 đồng.

Khi vay có làm biên nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất 4%/ tháng. Đối với 3 khoản vay năm 2019, Bà H, Ông Th chỉ trả lãi đến tháng 9/2020 với số tiền 28.000.000 đồng, sau đó không trả lãi cho đến nay.

Bà Ph yêu cầu vợ chồng Bà H, Ông Th có trách nhiệm trả cho Bà Ph tổng số tiền vốn là 230.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/10/2020 cho đến khi xét xử.

Bị đơn Bùi Thị Tuyết H, Nguyễn Văn Thvắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhật được ý kiến.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng bị đơn không chấp hành dù đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiện vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân Sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân Sự, bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân Sự, việc vắng mặt là tự từ bỏ quyền lợi của mình nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân Sự.

Về nội dung: Bà Ph yêu cầu vợ chồng Bà H, Ông Th trả số tiền vốn 230.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 11/10/2020 đến nay, Số tiền vay theo các biên nhận vay tiền ngày 06/11/2019 vay 20.000.000 đồng; ngày 08/11/2019 vay 30.000.000 đồng; ngày 14/11/2019 vay 20.000.000 đồng, ba khoản vay này có trả lãi suất được 28.000.000 đồng; tháng 10/2020 vay 20.000.000 đồng; ngày 11/10/2020 vay 140.000.000 đồng, chưa trả tiền lãi.

Nhận thấy, trong quá trình vay tiền vợ chồng Bà H, Ông Th chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Bà Ph yêu cầu vợ chồng Bà H, Ông Th trả số tiền vốn và lãi còn nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, trong 05 khoản vay nêu trên thì chỉ

có 03 khoản vay ngày 06/11/2019, ngày 08/11/2019 và ngày 14/11/2019 với tổng số tiền là 70.000.000 đồng thể hiện Bà H cùng Ông Th ký nhận nợ, còn 02 biên nhận nợ tháng 10/2020 và ngày 11/10/2020, với tổng số tiền 160.000.000 đồng chỉ thể hiện Bà H ký biên nhận nợ, Ông Th không ký tên. Bà Ph cũng thừa nhận 02 khoản vay này chỉ có Bà H nhận tiền và ký biên nhận nợ. Từ đó, có đủ căn cứ xác định số tiền nợ vốn 70.000.000 đồng thuộc nghĩa vụ chung của Bà H và Ông Th. Còn số nợ 160.000.000 đồng là trách nhiệm cá nhân của Bà H.

Trong quá trình vay, tiền lãi mà các bên thỏa thuận 4%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật, cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thì mức lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm (1,66%/tháng). Do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh lại mức lãi suất và khấu trừ số tiền lãi 28.000.000 đồng mà bị đơn đã trả, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Tiền vốn gốc 70.000.000 đồng x 43 tháng (từ tháng 11/2019 đến tháng 06/2023) x 1,66% = 49.966.000 đồng – 28.000.000 đồng = 21.966.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 70.000.000 đồng + 21.966.000 đồng = 91.966.000 đồng.

Tiền vốn gốc 160.000.000 đồng x 32 tháng (từ tháng 10/2020 đến tháng 06/2023) x 1,66% = 84.992.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 160.000.000 đồng + 84.992.000 đồng = 224.992.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc vợ chồng Bà Bùi Thị Tuyết H và Ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Ph số tiền vốn, lãi là 91.966.000 đồng; Bà H có trách nhiệm trả cho Bà Ph số tiền vốn, lãi là 244.992.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 02 tháng 12 năm 2022, Bà Di Kim Ph có đơn khởi kiện yêu cầu Bà Bùi Thị Tuyết H và Ông Nguyễn Văn Th trả số tiền vay là 230.000.000 đồng. Đây là qua hệ pháp luật tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản", Bà Bùi Thị Tuyết H và Ông Nguyễn Văn Th cùng cư trú tại: Tổ 3, khóm An Hòa B, thị trấn Ba Chúc, huyện N, tỉnh X, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện N, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 11 năm 2020, Bà Di Kim Ph có cho vợ chồng Bà Bùi Thị Tuyết H và Ông Nguyễn Văn Th vay tiền 05 lần, với tổng số tiền là 230.000.000 đồng, cụ thể: Lần thứ nhất, ngày 06/11/2019 vay 20.000.000 đồng; lần thứ hai ngày 08/11/2019 vay 30.000.000 đồng; lần thứ ba ngày 14/11/2019 vay 20.000.000 đồng; lần thứ tư tháng 10/2020 vay 20.000.000 đồng; lần thứ năm ngày 11/10/2020 vay 140.000.000 đồng. Khi vay tiền đều có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, đối với 03 khoản vay trong năm 2019 Bà H có trả lãi được 28.000.000 đồng, từ tháng 10 năm 2020 thì ngưng trả lãi cho đến nay.

Xét thấy, khi thực hiện hợp đồng vay tài sản các bên có lập văn bản thể hiện việc vay tiền. Từ đó, có đủ cơ sở xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng vay tài sản và nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao cho bị đơn số tiền 230.000.000 đồng, nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay cho nguyên đơn theo thỏa thuận, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay là có căn cứ.

[3] Về nghĩa vụ trả tiền, Bà Ph yêu cầu vợ chồng Bà H, ông Thị cùng trả số nợ 230.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét trong 05 khoản vay thì chỉ có 03 khoản vay ngày 06/11/2019, ngày 08/11/2019 và ngày 14/11/2019 với tổng số tiền là 70.000.000 đồng thể hiện Bà H cùng Ông Th ký nhận nợ, còn 02 biên nhận nợ tháng 10/2020 và ngày 11/10/2020, với tổng số tiền 160.000.000 đồng chỉ thể hiện Bà H ký biên nhận nợ, Ông Th không ký tên. Bà Ph cũng thừa nhận 02 khoản vay này chỉ có Bà H nhận tiền và ký biên nhận nợ. Từ đó, có đủ căn cứ xác định số tiền nợ vốn 70.000.000 đồng thuộc nghĩa vụ chung của Bà H và Ông Th, còn số nợ 160.000.000 đồng là trách nhiệm cá nhân của Bà H.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình vay, tiền lãi mà các bên thỏa thuận 4%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật, cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, thì mức lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm (1,66%/tháng). Do đó, cần điều chỉnh lại mức lãi suất và khấu trừ số tiền lãi 28.000.000 đồng mà bị đơn đã trả, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Tiền vốn gốc 70.000.000 đồng x 43 tháng (từ tháng 11/2019 đến tháng 06/2023) x 1,66% = 49.966.000 đồng – 28.000.000 đồng = 21.966.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 70.000.000 đồng + 21.966.000 đồng = 91.966.000 đồng.

Tiền vốn gốc 160.000.000 đồng x 32 tháng (từ tháng 10/2020 đến tháng 06/2023) x 1,66% = 84.992.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 160.000.000 đồng + 84.992.000 đồng = 224.992.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc vợ chồng Bà Bùi Thị Tuyết H và Ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Ph số tiền vốn, lãi là 91.966.000 đồng; Bà H có trách nhiệm trả cho Bà Ph số tiền vốn, lãi là 244.992.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Bà Bùi Thị Tuyết H và Ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Điều 463; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự:

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Di Kim Ph đối với vợ chồng Bà Bùi Thị Tuyết H và Ông Nguyễn Văn Th về "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc Bà Bùi Thị Tuyết H và Ông Nguyễn Văn Th liên đới trách nhiệm trả cho Bà Di Kim Ph số tiền 91.966.000 đồng (Tiền vốn gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi 21.966.000 đồng).

Buộc Bà Bùi Thị Tuyết H có trách nhiệm trả cho Bà Di Kim Ph số tiền 244.992.000 đồng (Tiền vốn gốc 160.000.000 đồng, tiền lãi 84.992.000 đồng).

Về án phí: Bà Bùi Thị Tuyết H và Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 4.598.000 đồng (bốn triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Tuyết H phải chịu 12.249.000 đồng (mười hai triệu hai trăm bốn mươi chin nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Di Kim Ph được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.750.000 đồng (năm triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009779 ngày 02 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường pháp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- TAND tỉnh X;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Hùng